

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**
Bản án số: 123/2021/HS-ST
Ngày 15-12-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ- TỈNH QUẢNG NAM

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Tin,
2. Ông Phạm Bá Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Ông Lê Doãn Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 118/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Ngọc T**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ.T, xã T.D, huyện P.N, tỉnh Quảng Nam; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lái xe taxi; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Văn B, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1966; có vợ là Trần Thị Bé L, sinh năm 1992 và 02 người con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/8/2021, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Dương Thị Thu H, sinh năm 1988; trú tại: Khu S.M, thị trấn A.N, huyện Đ.L, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

2. Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1985; trú tại: Khu S.M, thị trấn A.N, huyện Đ.L, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

3. Bùi Thị Kim C, sinh năm 1989, trú tại: số * T.T.T, phường T.T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12/2019, Trần Ngọc T lái xe cho hãng Taxi Vinasun và thường đón khách trước sảnh khách sạn Mừng Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Thời điểm này, chị Dương Thị Thu H (sinh năm 1988, đang làm tại khách sạn Mường Thanh) biết được các lái xe trước khách sạn Mường Thanh cho vay tiền. Chị H gặp T liên hệ vay tiền và được T đồng ý, hai bên thỏa thuận lãi suất từ 10% đến 60%/tháng (30 ngày) tùy thuộc vào thời gian vay, khi chị H vay thì T giao tiền mặt cho chị H và yêu cầu chị H viết giấy mượn tiền (không ghi lãi suất) và giữ 01 (một) giấy phép lái xe đứng tên Dương Thị Thu H, 01 (một) thẻ đảng viên và 01 (một) hộ chiếu mang tên Huỳnh Ngọc D (chồng chị H). Hằng tháng, khi đến hạn trả lãi thì T sử dụng zalo của bản thân (T Taxi) nhắn tin số tiền lãi vào zalo của chị H (Duong Thi Thu H) để chị H thanh toán bằng hình thức chuyển khoản (từ tài khoản số 5621000067**** của chị H đến tài khoản số 10600191**** của T mở tại ngân hàng Vietinbank) hoặc đưa tiền mặt cho T. Từ tháng 12/2019 đến ngày 05/02/2021, trên địa bàn thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, Trần Ngọc T đã cho chị Dương Thị Thu H vay 06 (sáu) lần với số tiền là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng), cụ thể:

- *Lần thứ nhất*: tháng 12/2019, chị H vay T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), lãi suất 10%/tháng (tương đương lãi suất tính theo ngày là 0,3333%/ngày, lãi suất tính theo năm 121,6545%/năm, vượt 6,08 lần lãi suất cho phép 20%/năm, mỗi tháng trả lãi 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Tính đến tháng 3/2021, chị H đã thanh toán cho T 15 (mười lăm) tháng tiền lãi với số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), hiện còn nợ số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/ năm tương ứng 0.05479452054%/ngày, theo đó số tiền lãi hợp pháp trong 15 tháng (450 ngày – H và T thỏa thuận tháng vay có 30 ngày) vay là: $100.000.000đ \times 0.05479452054\% \times 450$ ngày (15 tháng) = 24.657.534 đồng, số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là: 150.000.000 đồng – 24.657.534 đồng = 125.342.466 đồng.

- *Lần thứ hai*: Tháng 4/2020, chị H vay T số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), lãi suất 20%/tháng (tương đương lãi suất tính theo ngày là 0,6667%/ngày, lãi suất tính theo năm 243,3455%/năm), vượt 12,16 lần lãi suất cho phép 20%/năm, mỗi tháng trả lãi 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Tính đến tháng 3/2021, chị H đã thanh toán cho T 11 (mười một) tháng tiền lãi với số tiền là 88.000.000 đồng (tám mươi tám triệu đồng), hiện còn nợ số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/ năm tương ứng 0.05479452054%/ngày, theo đó số tiền lãi hợp pháp trong 11 tháng (330 ngày) vay là: $40.000.000đ \times 0.05479452054\% \times 330$ ngày (11 tháng) = 7.232.876 đồng, số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là: 88.000.000 đồng – 7.232.867 đồng = 80.767.133 đồng.

- *Lần thứ ba*: Ngày 11/4/2020, chị H vay T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), lãi suất 15%/tháng (tương đương lãi suất tính theo ngày là 0,5%/ngày, lãi suất tính theo năm 182,5%/năm), vượt 9,125 lần lãi suất cho phép 20%/năm, mỗi tháng trả lãi 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Tính đến tháng 3/2021, chị H đã thanh toán cho T 11 (mười một) tháng tiền lãi với số tiền là 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng), hiện còn nợ số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/ năm tương ứng 0.05479452054%/ngày, theo đó số tiền lãi hợp pháp trong 11 tháng (330 ngày) vay là: $20.000.000đ \times 0.05479452054\% \times 330$ ngày (11 tháng) = 3.616.438 đồng, số tiền thu

lợi bất chính của lần vay này là: 33.000.000 đồng – 3.616.438 đồng = 29.383.562 đồng.

- *Lần thứ tư:* Ngày 13/6/2020, chị H vay T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), lãi suất 60%/tháng (tương đương lãi suất tính theo ngày là 2%/ngày, lãi suất tính theo năm 730%/năm), vượt 36,5 lần lãi suất cho phép 20%/năm, mỗi ngày trả lãi 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng). Tính đến ngày 01/7/2020 (15 ngày), chị H đã thanh toán cho T 20.000.000 đồng tiền gốc và 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) tiền lãi. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm tương ứng 0.05479452054%/ngày, theo đó số tiền lãi hợp pháp trong 15 ngày vay là: 20.000.000đ x 0.05479452054% x 15 ngày = 164.383 đồng, số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là: 6.000.000 đồng – 164.383 đồng = 5.835.617 đồng.

- *Lần thứ năm:* Tháng 01/2021, chị H vay T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), lãi suất 20%/tháng (tương đương lãi suất theo ngày là 0,666%/ngày, lãi suất tính theo năm là 243,3%/năm), vượt 12,16 lần lãi suất cho phép 20%/năm, mỗi tháng trả lãi 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Tính đến tháng 3/2021, chị H đã thanh toán cho T 02 (hai) tháng tiền lãi với số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), hiện còn nợ số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm tương ứng 0.05479452054%/ngày, theo đó số tiền lãi hợp pháp trong 60 ngày (2 tháng) vay là: 100.000.000đ x 0.05479452054% x 60 ngày = 3.287.671 đồng, số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là: 40.000.000 đồng – 3.287.671 đồng = 36.712.329 đồng.

- *Lần thứ sáu:* Ngày 05/02/2021, chị H vay T số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), lãi suất 20%/tháng, (tương đương lãi suất theo ngày là 0,666%/ngày, lãi suất tính theo năm là 243,3%/năm), vượt 12,16 lần lãi suất cho phép 20%/năm, mỗi tháng trả lãi 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Tính đến tháng 3/2021, chị H đã thanh toán cho T 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) tiền lãi (45 ngày), hiện còn nợ số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm tương ứng 0.05479452054%/ngày, theo đó số tiền lãi hợp pháp trong 45 ngày vay là: 50.000.000đ x 0.05479452054% x 45 ngày = 1.232.876 đồng, số tiền thu lợi bất chính của lần vay này là: 15.000.000 đồng – 1.232.876 đồng = 13.767.124 đồng.

Tính đến tháng 3/2021, chị H vay của Trần Ngọc T số tiền là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng), đã thanh toán cho T 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền gốc và 332.000.000 đồng (ba trăm ba mươi hai triệu đồng) tiền lãi, hiện còn nợ tiền gốc là 310.000.000 đồng (ba trăm mười triệu đồng).

Sau đó, do không còn khả năng trả lãi nên vợ chồng chị H gặp T để xin dừng việc trả lãi và cho thời gian để trả tiền gốc nhưng T không đồng ý mà chỉ giảm lãi xuống 10%/tháng (tương đương lãi suất tính theo ngày là 0,3333%/ngày, lãi suất tính theo năm là 121,6545%/năm), vượt 6,08 lần lãi suất cho phép 20%/năm đối với số tiền gốc 310.000.000 đồng còn nợ. Từ tháng 3/2021 đến tháng 4/2021 (30 ngày), chị H trả thêm cho T 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) tiền lãi. Đến ngày 11/5/2021 trả thêm 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền gốc. Đối với khoản tiền lãi 25.000.000 đồng này tương ứng số ngày trả tiền lãi là: 25.000.000 đồng x 30 (ngày)/31.000.000 đồng (tiền lãi 10%/tháng của 310.000.000 đồng) = 24,19 ngày. Mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm

tương ứng 0.05479452054%/ngày, theo đó số tiền lãi hợp pháp trong 24,19 ngày vay là: $310.000.000đ \times 0.05479452054\% \times 24,19 \text{ ngày} = 4.108.986 \text{ đồng}$, số tiền thu lợi bất chính là: $25.000.000 \text{ đồng} - 4.108.986 \text{ đồng} = 20.891.014 \text{ đồng}$.

Như vậy, từ tháng 12/2019 đến tháng 5/2021 Trần Ngọc T đã cho chị Dương Thị Thu H vay số tiền là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất từ 10% - 60%/tháng (30 ngày), tương đương lãi suất tính theo ngày từ 0,3333%/ngày - 2%/ngày, lãi suất tính theo năm từ 121,6545% - 730%/năm, lãi suất này vượt từ 6,08 - 36,5 lần mức quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tổng số tiền chị H đã thanh toán cho T là 397.000.000 đồng (ba trăm chín mươi bảy triệu đồng) (gồm 40.000.000 đồng tiền gốc và 357.000.000 đồng tiền lãi), số tiền thu lợi bất chính là 312.699.245 đồng (ba trăm mười sáu triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng), số tiền lãi cho phép 20%/năm là 44.300.755 đồng (bốn mươi bốn triệu ba trăm nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành tạm giữ những vật chứng liên quan đến vụ án.

Cáo trạng số 120/CT-VKSTK-HS ngày 15-11-2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung truy tố của Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự";

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng và các nội dung liên quan khác: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Realme, màu xanh thu giữ của Trần Ngọc T; tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 097225****; 01 thẻ ngân hàng Vietinbank số 970415154502**** thu giữ của Trần Ngọc T; trả lại cho bị cáo Trần Ngọc T 01 giấy phép lái xe số 49019400****mang tên Trần Ngọc T.

Trả lại cho anh Huỳnh Ngọc D 01 thẻ đảng viên số 5506**** mang tên Huỳnh Ngọc D, 01 hộ chiếu số C724**** của Huỳnh Ngọc D; trả lại cho chị Dương Thị Thu H 01 giấy phép lái xe số AR15**** của Dương Thị Thu H. Lưu hồ sơ vụ án 03 giấy mượn tiền ghi tên chị H, anh D ; 01 giấy mượn tiền ghi tên Bùi Thị Kim C.

Buộc chị Dương Thị Thu H nộp lại số tiền 290.000.000 đồng là tiền vay gốc chưa trả cho bị cáo T để truy thu sung ngân sách nhà nước.

Truy thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo Trần Ngọc T số tiền 84.300.755 đồng mà chị Dương Thị Thu H đã trả cho bị cáo T, bao gồm: 40.000.000 tiền gốc và 44.300.755 đồng tiền lãi (trong mức lãi suất 20%/năm).

Buộc bị cáo Trần Ngọc T trả lại cho chị Dương Thị Thu H số tiền lãi mà chị H đã trả cho bị cáo vượt quá quy định (trên 20%/năm) tổng cộng số tiền là 312.699.245 đồng.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Kỳ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định: Từ tháng 12/2019 đến tháng 5/2021, bị cáo Trần Ngọc T đã cho chị Dương Thị Thu H vay số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất vay từ 10 % - 60 %/tháng (30 ngày), tương đương lãi suất tính theo ngày từ 0,3333%/ngày - 2%/ngày, lãi suất tính theo năm từ 121,6545% - 730%/năm, lãi suất này vượt từ 6,08 - 36,5 lần mức quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tổng số tiền chị H đã thanh toán cho T là 397.000.000 đồng, bao gồm 40.000.000 đồng tiền gốc và 357.000.000 đồng tiền lãi, trong đó lãi suất cho phép 20%/năm là 44.300.755 đồng, lãi suất trên 20%/năm là 312.699.245 đồng. Tổng số tiền bị cáo T thu lợi bất chính là 312.699.245 đồng.

Hành vi trên của bị cáo Trần Ngọc T đã phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", tội phạm, hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ truy tố đối với bị cáo là đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi của bị cáo Trần Ngọc T thực hiện do lỗi cố ý, đã xâm phạm trật tự quản lý nhà nước về kinh tế, xâm hại quyền lợi hợp pháp của công dân, tác động tiêu cực đến trật tự, trị an xã hội và hoạt động của thị trường tiền tệ, vì vậy cần xử phạt hình phạt tù để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Ngọc T đã cho chị Dương Thị Thu H vay 06 (sáu) lần, trong đó có 03 lần thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo: Trong quá trình tố tụng, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; gia đình bị cáo có công cách mạng, có ông ngoại là liệt sĩ. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[2.3] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, vấn đề liên quan khác:

- Xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Realme, màu xanh thu giữ của Trần Ngọc T là phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 sim số 097225****; 01 thẻ ngân hàng Vietinbank số 970415154502**** thu giữ của Trần Ngọc T là phương tiện phạm tội của bị cáo nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 giấy phép lái xe số 49019400**** mang tên Trần Ngọc T không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho Trần Ngọc T.

Đối với 01 thẻ đảng viên số 5506**** mang tên Huỳnh Ngọc D, sinh ngày 10/5/1985, nơi cấp thẻ: Đảng bộ tỉnh Quảng Nam ngày 02/9/2017; 01 hộ chiếu số C724**** của Huỳnh Ngọc D do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 26/4/2019; 01 giấy phép lái xe số AR15**** của Dương Thị Thu H do Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam cấp ngày 18/02/2011. Qua điều tra xác định đây là các giấy tờ Dương Thị Thu H đưa cho Trần Ngọc T làm tin để vay tiền, do không liên quan đến hành vi phạm tội và là tài sản của anh D, chị H nên trả lại cho anh D và chị H các giấy tờ trên.

Đối với 03 giấy mượn tiền ghi tên Dương Thị Thu H, sinh ngày 30/3/1988, nội dung mượn tiền của Trần Ngọc T, lần lượt đề ngày 07/3/2021, 12/02/2021, 17/01/2021 có chữ ký tên Dương Thị Thu H, giấy mượn tiền ngày 07/3/2021 và ngày 17/01/2021 có ký tên Huỳnh Ngọc D; 01 hợp đồng vay tiền đề ngày 12/01/2020, ghi bên A là Trần Ngọc T, bên B là Huỳnh Ngọc D, Dương Thị Thu H, dưới phần đại diện bên B có chữ ký Huỳnh Ngọc D và Dương Thị Thu H; 01 giấy hẹn trả tiền ghi tên Dương Thị Thu H, sinh ngày 30/3/1988, Huỳnh Ngọc D, sinh ngày 10/5/1985 đề ngày 20/4/2021 có chữ ký ghi tên Huỳnh Ngọc D và Dương Thị Thu H; 01 giấy mượn tiền ghi tên Bùi Thị Kim C, sinh ngày 01/01/1989, nội dung mượn tiền Trần Ngọc T đề ngày 12/3/2021 và 20/4/2021 có chữ ký ghi tên người mượn là Bùi Thị Kim C, là vật chứng nên lưu kèm hồ sơ vụ án.

- Biện pháp tư pháp:

Tổng cộng số tiền bị cáo T cho chị H vay là 330.000.000 đồng, chị H đã trả cho T tiền gốc 40.000.000 đồng, còn lại là 290.000.000 đồng chị Dương Thị Thu H chưa trả cho bị cáo T, đây là phương tiện phạm tội của bị cáo T nên buộc chị Dương Thị Thu H nộp lại số tiền này để truy thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 84.300.755 đồng, bao gồm 40.000.000 tiền gốc mà chị Dương Thị Thu H đã trả cho T là phương tiện phạm tội và 44.300.755 đồng tiền lãi trong mức lãi suất 20%/năm, là tiền phát sinh từ tội phạm nên truy thu sung ngân sách nhà nước số tiền này.

Đối với số tiền lãi 312.699.245 đồng (357.000.000 đồng - 44.300.755 đồng = 312.699.245 đồng) mà chị H đã trả lãi cho bị cáo T, đây là tiền mà bị cáo T thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng (trên 20%/năm), không có căn cứ chứng minh chị H sử dụng số tiền vay vào mục đích bất hợp pháp nên không tịch thu sung ngân sách nhà nước mà buộc bị cáo T trả lại cho chị Dương Thị Thu H số tiền này.

- Đối với số tiền 10.000.000 đồng của gia đình bị cáo T đã tạm nộp để khắc phục hậu quả cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho bị cáo T.

- Vấn đề liên quan khác: Bị cáo Trần Ngọc T cho chị Bùi Thị Kim C mượn 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), sau đó chị C đã trả ngay cho T số tiền này, T không thu tiền lãi, đây là giao dịch dân sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Kỳ không đề cập xử lý trong vụ án này là phù hợp.

[2.4] Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo **Trần Ngọc T** phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 23-8-2021).

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Realme, màu xanh thu giữ của Trần Ngọc T.

Tịch thu tiêu hủy 01 sim số 097225****; 01 thẻ ngân hàng Vietinbank số 970415154502**** thu giữ của Trần Ngọc T.

Trả lại cho bị cáo Trần Ngọc T 01 giấy phép lái xe số 49019400**** mang tên Trần Ngọc T.

Trả lại cho anh Huỳnh Ngọc D 01 thẻ đảng viên số 5506**** mang tên Huỳnh Ngọc D, 01 hộ chiếu số C724**** của Huỳnh Ngọc D do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 26/4/2019.

Trả lại cho chị Dương Thị Thu H 01 giấy phép lái xe số AR15**** của Dương Thị Thu H do Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam cấp ngày 18/02/2011.

Lưu hồ sơ vụ án 03 giấy mượn tiền ghi tên Dương Thị Thu H, lần lượt đề ngày 07/3/2021, 12/02/2021, 17/01/2021 có chữ ký tên Dương Thị Thu H; giấy mượn tiền ngày 07/3/2021 và ngày 17/01/2021 có ký tên Huỳnh Ngọc D; 01 hợp đồng vay tiền đề ngày 12/01/2020, ghi bên A là Trần Ngọc T, bên B là Huỳnh Ngọc D, Dương Thị Thu H; 01 giấy hẹn trả tiền ghi tên Dương Thị Thu H, sinh ngày 30/3/1988, Huỳnh Ngọc D, sinh ngày 10/5/1985 đề ngày 20/4/2021 có chữ ký ghi tên Huỳnh Ngọc D và Dương Thị Thu H; 01 giấy mượn tiền ghi tên Bùi Thị Kim C, sinh ngày 01/01/1989, nội dung mượn tiền Trần Ngọc T đề ngày 12/3/2021 và 20/4/2021 có chữ ký ghi tên người mượn là Bùi Thị Kim C.

Buộc chị Dương Thị Thu H nộp lại số tiền 290.000.000 đồng là tiền vay gốc chưa trả cho bị cáo T để truy thu sung ngân sách nhà nước.

Truy thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo Trần Ngọc T số tiền 84.300.755 đồng mà chị Dương Thị Thu H đã trả cho bị cáo T, bao gồm: 40.000.000 tiền gốc và 44.300.755 đồng tiền lãi (trong mức lãi suất 20%/năm).

Buộc bị cáo Trần Ngọc T trả lại cho chị Dương Thị Thu H số tiền lãi mà chị H đã trả cho bị cáo vượt quá quy định (trên 20%/năm) tổng cộng số tiền là 312.699.245 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Dương Thị Thu H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Trần Ngọc T chưa thi hành khoản tiền trên thì phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng của gia đình bị cáo Trần Ngọc T đã tạm nộp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo T.

(Vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/11/2021; số tiền 10.000.000 đồng đang được tạm giữ tại Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Nam theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 16/9/2021)

3. Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cơ quan thi hành án dân sự;
- Sở Tư pháp Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Đinh Tấn Long